TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 -2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị O, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn chị Lâm Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 10-7-1997 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09-01-2003, hiện 02 con chung đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2023 bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh và chị O chung sống từ năm 1996 cho đến năm 2006 mới đi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh có uống rượu về lời qua tiếng lại và trước kia thì anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng hiện nay thì không còn. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung một nhà và anh cũng còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 10-7-1997 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09-01-2003, hiện 02 con chung đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị O đối với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 10-7-1997 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09-01-2003, đã trên 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị O, anh T trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lâm Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị O vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị O, anh T chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay chị O xin ly hôn, anh T yêu cầu đoàn tụ. Xét về mâu thuẫn chị O cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh có uống rượu sau khi về nhà thì anh có lời quan tiếng lại với vợ. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận. Anh T yêu cầu được đoàn tụ là không có cơ sở để xem xét.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 10-7-1997 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09-01-2003 đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện phù hợp pháp luật quy định, nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị O, anh T trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị Lâm Thị O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử chị Lâm Thị O được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 10-7-1997 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09-01-2003 đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị O, anh T trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Lâm Thị O đã nộp theo biên lai thu số 0007826 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị O, anh T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.